

Bản án số: 200/2024/HS-ST

Ngày 19 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đây;
Bà Nguyễn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Thời Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 168/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 229/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024;

- Các bị cáo:

1. Trương Đình G, sinh năm 1984 tại Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 0380840163XX; nơi đăng ký thường trú: **Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **Tổ D, Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Xuân L** (đã chết) và bà **Lê Thị Đ**; có vợ tên **Trương Thị T** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 02-3-2024; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - **Công an tỉnh Đ**; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0751760036XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Tổ A, Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thành C** (đã chết) và bà **Phạm Nguyệt Á**; có chồng tên **Nguyễn Phước T1** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 01-3-2024 đến 09-3-2024; hiện nay, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 159/2024/LCĐKNCT ngày 04-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trương Đình G**: Bà **Nguyễn Thị Kim H1**, Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; nơi làm việc: Văn phòng Luật sư **Nguyễn Thị Kim H1**, địa chỉ: **Số A, đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970; vắng mặt tại phiên tòa.
2. **Nguyễn Thị Mai E**, sinh năm 1971; vắng mặt tại phiên tòa.
3. **Nguyễn Thị Hoàng L1**, sinh năm 1970; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Khoảng đầu tháng 02/2024, **Trương Đình G** sử dụng số điện thoại 09834751XX và tạo tài khoản trên trang web “Hi88”, chuyên đặt tiền cá cược các trò chơi phỏm, tiến lên, xóc đĩa. Giáp nạp 5.000.000 đồng vào tài khoản thông qua hình thức nạp thẻ Zing, để đánh bạc và thắng 18.000.000 đồng. Vào ngày 05/02/2024, một người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hẹn **G** tại khu vực gần cây ATM trên **đường D, Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, trả cho **G** 18.000.000 đồng tiền thắng bạc (gồm 35 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng); sau đó, **G** mang số tiền này về cất giấu vào tủ gỗ tại phòng khách. Ngày 06/02/2024, **G** lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng,

để trả tiền cho nhân viên giao hàng (không rõ tên tuổi, địa chỉ) nhưng nhân viên giao hàng nghi ngờ là tiền giả nên không nhận. Tiếp đến ngày 07/02/2024, **G** lấy 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, để trả tiền uống cà phê cho chị **Nguyễn Thị Hoàng L1** nhưng chị **L1** nghi ngờ là tiền giả nên không nhận. Khoảng 12 giờ 00 ngày 29/02/2024, cháu **Trương Đức G1** (sinh năm 2011 là con trai của **G**), lấy 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng từ số tiền 18.000.000 đồng do **G** cất giấu và đi cùng cháu **Ngô Nguyễn Quang H2** (sinh năm 2013, nơi thường trú: **Tổ E, Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**) đến cửa hàng tạp hóa của **Nguyễn Thị H**, mua 03 lốc nước ngọt hết 150.000 đồng và **H** trả lại số tiền thật là 350.000 đồng. Khi cháu **G1** và **H2** rời đi thì **H** phát hiện là tiền giả nên kẹp vào 01 cuốn sổ và cất trong tủ. Đến 08 giờ 00 ngày 01/3/2024, **H** lấy tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nêu trên rồi điều khiển xe mô tô biển số 60B9-266.XX đến ki-ốt bán rau của chị **Nguyễn Thị Mai E** (sinh năm 1971, thường trú tại: **Xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**) tại chợ **T2** thuộc **Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, để mua 65.000 đồng tiền rau, **H** đưa tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng và được chị **Mai E** trả lại số tiền thật là 435.000 đồng. Sau khi **H** ra về, chị Em kiểm tra, phát hiện tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số seri OGI18890039 là tiền giả nên đưa đến **Công an xã T, huyện V** giao nộp.

Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 01/3/2024, cháu **Trương Đức G1** tiếp tục lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng từ số tiền giả **G** cất giấu và đi cùng cháu **H2** đến tiệm tạp hóa của chị **Nguyễn Thị N**, địa chỉ **Ấp F, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, để mua 03 chai nước ngọt với giá 30.000 đồng; **G1** đưa tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho chị **N** và được chị **N** trả lại số tiền thật 470.000 đồng. Sau đó, chị **N** phát hiện tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số seri VD17240917 là tiền giả nên đến **Công an xã T, huyện V** trình báo và giao nộp. Cùng ngày 01/3/2024, **G** đã đốt tiêu hủy toàn bộ số tiền giả còn lại 17.000.000 đồng tại khu vực trước cổng nhà.

2. Giám định:

Tại Bản kết luận giám định số: 458/KL-KTHS ngày 07/3/2024 của **Phòng K - Công an tỉnh Đ**, kết luận: 01 tờ tiền **Ngân hàng N1** mệnh giá 500.000 đồng, seri OGI18890039 nêu ở phần mẫu cần giám định (kí hiệu A) là giả (bút lục số 27).

Tại Bản kết luận giám định số: 459/KL-KTHS ngày 08/3/2024 của **Phòng K - Công an tỉnh Đ**, kết luận: 01 tờ tiền **Ngân hàng N1** mệnh giá

500.000 đồng, seri VD17240917 nêu ở phần mẫu cần giám định (kí hiệu A) là giả (bút lục số 31).

Tại Bản Kết luận giám định số: 697/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận: Xe mô tô biển số 60B9-266.XX số khung, số máy không bị đục, sửa (bút lục số 63).

3. Cáo trạng và trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Cáo trạng số: 147/CT-VKS-P1 ngày 27-6-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố như sau:

- Trương Đình G về tội “Tàng trữ tiền giả”, theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Thị H về tội “Lưu hành tiền giả”, theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

- Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trương Đình G từ 06 đến 07 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 năm tù; bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định.

- Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp theo quy định.

4. Nội dung khác có liên quan:

Đối với cháu Trương Đức G1 (là con bị cáo Trương Đình G, sinh ngày 17/4/2021) có hành vi lưu hành 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng. Nhưng G1 không biết đó là tiền giả; mặt khác, khi thực hiện hành vi cháu G1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đ không xử lý cháu G1.

Đối với chị Trương Thị T (vợ G), chị T biết việc G có tiền giả nhưng không biết rõ nguồn gốc và nơi tàng trữ tiền giả; đồng thời, đã yêu cầu G trình báo, giao nộp tiền giả đến cơ quan chức năng nhưng G không thực hiện, nên hành vi của chị T không có dấu hiệu đồng phạm tội tàng trữ tiền giả với G, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đ không xử lý chị T.

Đối với người đàn ông (không rõ nhân thân) đưa 18.000.000 đồng tiền giả cho **Trương Đình G**, Cơ quan An ninh điều tra - **Công an tỉnh Đ** tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau.

Đối với hành vi tham gia đánh bạc qua mạng của **Trương Đình G**: Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện V** đang thụ lý điều tra, xử lý theo thẩm quyền, theo Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số: 515/QĐ-ĐTTH ngày 11-3-2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện V** (bút lục số 6).

Quá trình điều tra, chị **Nguyễn Thị Mai E** không yêu cầu **Nguyễn Thị H** bồi thường 500.000 đồng; chị **Nguyễn Thị N** không yêu cầu cháu **Trương Đức G1** bồi thường 500.000 đồng.

5. Trình bày của các bị cáo tại phiên tòa:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố; đồng thời, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả.

*6. Trình bày của người bào chữa cho bị cáo **Trương Đình G** tại phiên tòa:*

- Về tội danh: Thống nhất như quan điểm tại Cáo trạng số: 147/CT-VKS-P1 ngày 27-6-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Về hình phạt: Bản thân bị cáo vô ý nhận tiền giả từ người khác và không biết là tiền giả; không có ý thức tàng trữ tiền giả ngay từ đầu; bị cáo chỉ phát hiện khi Nhà trường nơi con bị cáo học thông báo. Bị cáo rất thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo rất khó khăn và vợ đang bị bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho bị cáo dưới khung hình phạt, cụ thể là 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của

pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[2] Về tội danh bị truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo **Trương Đình G** và **Nguyễn Thị H** khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả. Trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 05-02-2024 đến ngày 01-3-2024, tại **Áp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, **Trương Đình G** đã có hành vi tàng trữ 18.000.000 đồng tiền giả (gồm 35 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng). Ngày 01-3-2024, tại **Áp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai** **Nguyễn Thị H** có hành vi lưu hành 500.000 đồng tiền giả.

Đủ cơ sở xác định các bị cáo **Trương Đình G** và **Nguyễn Thị H** phạm tội theo Cáo trạng số: 147/CT-VKS-P1 ngày 27-6-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; điều tự giác đầu thú và có nhân thân tốt; được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần có hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm; cụ thể:

- Đối với bị cáo **Trương Đình G** áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Trương Đình G**, để bảo đảm cho việc thi hành án.

- Đối với bị cáo **Nguyễn Thị H**: Bị cáo chỉ sử dụng 01 tờ 500.000 đồng để mua hàng hóa; trong vụ án này, bị cáo cũng bị tịch thu xe mô tô. Xét thấy, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình

sự về án treo số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao; do đó, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; đồng thời, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

[4] Vật chứng thu giữ trong vụ án này:

- Tịch thu tiêu hủy tiền giả và 01 cục tro màu đen do Công an huyện V thu giữ vào ngày 02/3/2024 trước cổng nhà G.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước công cụ phương tiện phạm tội; trong đó, có số tiền 1.500.000 đồng gia đình các bị cáo tự nguyện giao nộp.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên. Ý kiến của các bị cáo, người bào chữa tại phiên tòa được xem xét khi quyết định hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Trương Đình G phạm tội “Tàng trữ tiền giả”, theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lưu hành tiền giả”, theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

2.1. Bị cáo Trương Đình G:

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trương Đình G 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02-3-2024.

2.2. Bị cáo Nguyễn Thị H:

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 03 (ba) năm tù. Bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19-9-2024.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao bị cáo **Nguyễn Thị H** cho Ủy ban nhân **xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2.3. Biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Trương Đình G** theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử lý các vật chứng sau đây đã được bàn giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03-7-2024, phiếu nhập NK24/158; cụ thể:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

02 tờ tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng, gồm: 01 tờ số seri OG 18890039 và 01 tờ số seri VD 17240917 và 01 cục tro màu đen.

3.2. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động có ghi chữ Sam sung Galaxy S22 Ultra, màu đen, số imei (khe 1): 351338913232269, imei (khe 2): 351467443232265;

- 01 xe mô tô biển số 60B9-266.XX, nhãn hiệu Honda, số loại: Air Blade, màu sơn đen - đỏ, dung tích xi lanh 108, số máy: NC110APE0102384, số khung: NC110AP0102384;

- Số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Án phí:

Buộc các bị cáo **Trương Đình G** và **Nguyễn Thị H**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo **Trương Đình G** và **Nguyễn Thị H** được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (2);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan An ninh điều tra-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và Thi hành án (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành